

Số: 03/TB-KL

Kỳ Anh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tích thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Thời gian qua, Hạt Kiểm lâm Kỳ Anh có phát hiện, xử lý tích thu 4,123 m³ gỗ các loại là tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp tại các Quyết định số 404/QĐ-XPHC ngày 30/9/2024; 61/QĐ-TT ngày 06/02/2026. Chất lượng, phẩm cấp gỗ hiện tại: Gỗ phẩm cấp thấp; một số gỗ đã bị nứt nẻ, mối mọt, mục ai.

Thực hiện quy tại khoản 1, Điều 11, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; hiện nay, Hạt đang xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với số gỗ trên (có bảng kê lâm sản kèm theo) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tích thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có Bảng kê lâm sản kèm theo) về Hạt Kiểm lâm Kỳ Anh trước ngày 20 tháng 02 năm 2026 theo địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận tài sản cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:

- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT.

HẠT TRƯỞNG

Nguyễn Đình Lưu



CHI CỤC KIỂM LÂM HÀ TĨNH
HẠT KIỂM LÂM KỲ ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2026/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo: Quyết định XPVPHC số 404 ngày 30/9/2024; Quyết định tịch thu TVPT số 61 ngày 06/02/2026 của Hạt Kiểm lâm Kỳ Anh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Nguyễn Tông Phượng; Chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm Kỳ Anh
- Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

- Tên tổ chức/cá nhân⁽⁴⁾:
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽⁵⁾:
- Địa chỉ⁽⁶⁾:

3. Người chứng kiến ⁽⁷⁾:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽⁸⁾

TT	Số hiệu/nhân đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/tầm/lóng)	Khối lượng/trọng lượng (m3 hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài ⁽¹⁰⁾	Dài	Rộng	Đường kính (vanh) hoặc chiều dày			
1	1	Vạng			8	2,7		0,42	01	0,381	
2	2	Vạng			8	3,4		0,38	01	0,392	
3	3	Vạng			8	3,2		0,30	01	0,230	
4	4	Vạng			8	2,5		0,22	01	0,097	

5	5	Đền			5	2,0		0,20	01	0,064	
6	6	Ba bét			8	1,3		0,23	01	0,055	
7	7	Ba bét			8	1,2		0,19	01	0,035	
8	8	Ba bét			8	1,3		0,19	01	0,038	
9	9	Đền			5	1,3		0,17	01	0,030	
10	10	Đền			5	1,3		0,14	01	0,020	
11	11	Vải			5	1,3		0,20	01	0,042	
12	12	Đền			5	1,2		0,16	01	0,024	
13	13	Vải			5	1,3		0,17	01	0,030	
14	1	Lèo heo			7	3,0	0,18	0,15	01	0,081	
15	2	Lèo heo			7	3,3	0,19	0,15	01	0,094	
16	3	Lèo heo			7	3,0	0,17	0,13	01	0,066	
17	4	Lèo heo			7	3,0	0,18	0,13	01	0,070	
18	5	Vải			5	3,0	0,19	0,15	01	0,086	
19	6	Lèo heo			7	3,3	0,18	0,16	01	0,095	
20	7	Vải			5	3,0	0,19	0,16	01	0,091	
21	8	Chân chim			8	3,3	0,27	0,20	01	0,178	
22	9	Trín			5	2,1	0,20	0,17	01	0,071	
23	10	Lèo heo			7	3,0	0,19	0,15	01	0,086	
24	11	Lèo heo			7	2,7	0,19	0,16	01	0,082	
25	12	Lèo heo			7	2,7	0,20	0,16	01	0,086	
26	13	Lèo heo			7	3,0	0,19	0,16	01	0,091	
27	14	Trín			5	3,3	0,19	0,15	01	0,094	
28	15	Lèo heo			7	3,0	0,18	0,14	01	0,076	
29	16	Trín			5	2,2	0,22	0,18	01	0,087	
30	17	Trín			5	2,8	0,20	0,19	01	0,106	

31	18	Thoi			8	2,8	0,20	0,15	01	0,084	
32	19	Thoi			5	2,5	0,19	0,15	01	0,071	
33	20	Trín			5	2,6	0,18	0,18	01	0,084	
34	21	Trín			5	2,6	0,20	0,18	01	0,094	
35	22	Trín			5	2,4	0,20	0,19	01	0,091	
36	23	Lèo heo			7	2,5	0,19	0,16	01	0,076	
37	24	Lèo heo			7	2,2	0,20	0,16	01	0,070	
38	25	Trín			5	2,4	0,16	0,14	01	0,054	
39	26	Chân chim			8	2,8	0,26	0,20	01	0,146	
40	27	Vải			5	2,3	0,19	0,15	01	0,066	
41	28	Lèo heo			7	2,3	0,20	0,15	01	0,099	
42	29	Chân chim			8	2,3	0,35	0,26	01	0,209	
Tổng:									42	4,123	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê:

- Khối lượng/trọng lượng, số lượng: 42 thanh, khúc (Bốn hai thanh, khúc) = 4,123m³
(Bốn khối một tác hai ba)

Trong đó: Gỗ xẻ nhóm 5 đến nhóm 8, gồm 29 thanh, khối lượng 2,685m³ ; Gỗ tạp tròn nhóm 5 đến nhóm 8, gồm 13 khúc, khối lượng 1,438m³.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Kỳ Anh, ngày 06 tháng 02 năm 2026
NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ



Nguyễn Tông Phụng

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)